CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***513 589***	***139 528***	***374 061***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**145 477**	**37 131**	**108 346**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***12 976***	***12 652***	***324***			
1		NHÔM ĐĂK NÔNG	03/11	2867/11	13/11	HOÀNG ANH 39	CỤC 4A.2	1 340	1 303	37	05/11	HỘ LỚN	
							CÁM 5A.1	1 630	1 624	6	05/11	HỘ LỚN	
2		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	04/11	727/11	14/11	QN 8485	CÁM 5A.10	6 207	5 997	210	05/11	HỘ LỚN	Tàu giảm tải
3		SX&TM THAN UÔNG BÍ	01/11	2852/11	07/11	BN 2699	CÁM 1	1 963	1 914	49	05/11	TD	
4		VẬN TẢI THỦY	05/11	2907/11	12/11	BN 2633	CÁM 2A.1	1 836	1 814	22	05/11	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***62 890***	***24 479***	***38 411***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	01/11	713/11		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 6A.1	29 200	22 631	6 569	DỠ	HỘ LỚN	NGUỒN TTCO
2		ĐIỆN THÁI BÌNH 2	05/11	729/11	15/11	MINH KHÔI 06	CÁM 5A.10	5 540		5 540		HỘ LỚN	
3		XNK ANH KHOA	01/11	2851/11	07/11	BN 0679	CỤC XÔ 1C	1 230	895	335	DỠ	TD	
4		VẬN TẢI THỦY	05/11	2919/11	12/11	BN 2638	CÁM 2A.1	1 920	953	967	DỠ	TD	
5		KDT MIỀN BẮC	01/11	2833/10	07/11	NEW GOLD	CÁM 2A.1	25 000		25 000		TD	GIA HẠN L1
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***69 611***		***69 611***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	03/11	720/11		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỚN	NGUỒN TTCO
2		ĐẠM HÀ BẮC	03/11	723/11	13/11	TĐ 38-TT	CÁM 4A.1	2 300		2 300		HỘ LỚN	
3		NHÔM ĐĂK NÔNG	04/11	2895/11	14/11	VIỆT THUẬN 12-03	CÁM 5A.1	6 000		6 000		HỘ LỚN	
4		NHÔM LÂM ĐỒNG	04/11	2896/11	14/11	VIỆT THUẬN 12-03	CỤC 4A.2	5 100		5 100		HỘ LỚN	
5		ĐẠM HÀ BẮC	04/11	725/11	14/11	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỚN	
6		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/11	726/11		TRƯỜNG NGUYÊN SKY	CÁM 5A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	Thay TBRT 719/11
7		VẬN TẢI THỦY	01/11	2858/11	07/11	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
8		DVVTQN	01/11	2854/11	07/11	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
9		SX&TM THAN UÔNG BÍ	02/11	2845/11	09/11	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	GIA HẠN L1
10		SX&TM THAN UÔNG BÍ	04/11	2886/11	11/11	BN 2366	CÁM 1	1 931		1 931		TD	
	Tàu chuyển tải							**185 900**	**35 660**	**150 240**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***131 650***	***35 660***	***95 990***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	717/11		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	4 500	18 300	DỠ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 KVCP: 4.800
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	01/11	714/11		VIỆT THUẬN STAR	CÁM 6A.14	41 250	100	41 150	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP:10.000 CLM: 20.000 KVCP: 11.250
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/11	716/11		GOLDEN STAR	CÁM 6A.14	23 600	3 360	20 240	DỠ	HỘ LỚN	KDTCP: 6.000 CLM: 8.000 KVCP: 9.600
4		XNK THAN	31/10	2842/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 3B.2	44 000	27 700	16 300	DỠ	TD	KVĐB: 44.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***54 250***		***54 250***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/11	718/11		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650		28 650		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/11	728/11		VIỆT THUẬN 26-03	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	TTHG: 21.000 KVCP: 4.600
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**86 824**	**22 973**	**63 851**			
	Tàu đã làm hàng							***14 880***	***14 676***	***204***			
1		KDT CẦU ĐUỐNG	03/11	2880/11	10/11	QN 8259	CÁM 7B	1 690	1 682	8	05/11	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		KS THAN ĐÔNG BẮC	01/11	2579/10	07/11	HY 0802	CÁM 8A	1 928	1 915	13	05/11	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
3		ĐTTM & DỊCH VỤ	01/11	2783/10	07/11	HD 2225	CÁM 8A	1 100	1 032	68	05/11	TD	NGUỒN ĐN-C6
4		VẬN TẢI THỦY	02/11	2866/11	09/11	HP 6863	CÁM 8A	2 200	2 190	10	05/11	TD	NGUỒN CS
5		KDT MIỀN BẮC	04/11	2894/11	11/11	QN 8389	CÁM 7B	1 982	1 967	15	05/11	TD	NGUỒN ĐN-C6
6		VIỆT THUẬN 235-01	31/10	5 629		CẨM PHẢ 21	TNK-LÀO	3 880	3 825	55	05/11	BỐC THAN NK	
7		VIỆT THUẬN 235	27/10	5 514		CỬA ÔNG 05	TNK-LÀO	2 100	2 065	35	05/11	BỐC THAN NK	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***26 870***	***8 297***	***18 573***			
1		KDT MIỀN BẮC	04/11	2898/11	14/11	HP 6559	CÁM 7C	1 636	1 065	571	DỠ	PTCB	NGUỒN ĐN-C6
2		XNK THAN	03/11	2883/11	13/11	VIỆT THUẬN TĐ 01	CÁM 6B.1	5 312	1 313	3 999	DỠ	PTCB	NGUỒN HL
3		KDT HÀ BẮC	04/11	2890/11	14/11	HD 1213	CÁM 7B	2 230	1 686	544	DỠ	PTCB	NGUỒN CS
4		KDT MIỀN BẮC	05/11	2906/11	15/11	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400		1 400		PTCB	NGUỒN HL
5		KDT HẢI PHÒNG	05/11	2915/11	15/11	BN 2329	CÁM 7C	1 500		1 500		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
6		HÀNG HẢI VN	01/11	2740/10	07/11	QN 7535	CỤC 1B	1 100	944	156	DỠ	TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
7		THAN SÔNG HỒNG	02/11	2800/10	09/11	QN 8547	CÁM 8A	996	627	369	DỠ	TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
8		DVVTQN	03/11	2878/11	10/11	HD 2325	CÁM 8A	1 200	388	812	DỠ	TD	NGUỒN CS
9		THÁI SƠN HP	03/11	2875/11	10/11	SG 10252	CÁM 8A	2 676	1 315	1 361	DỠ	TD	NGUỒN CS
10		THAN MIỀN TRUNG	01/11	2782/10	07/11	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 980		1 980		TD	NGUỒN ĐN-C6
11		HÀNG HẢI VN	05/11	2910/11	12/11	NB 8707	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
12		KDT CẨU ĐUỐNG	05/11	2913/11	12/11	BN 1816	CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN Thay TBRT 2813/10
13		VIỆT THUẬN 235-01	04/11	5 711		VNM TĐ 02	TNK-LÀO	4 840	960	3 880	DỠ	BỐC THAN NK	
	Tàu đã làm lệnh							***45 074***		***45 074***			
1		XNK THAN	03/11	2884/11	13/11	VIỆT THUẬN TĐ 15	CÁM 4A.1	4 994		4 994		PTCB	NGUỒN CS
2		KDT HẢI PHÒNG	04/11	2899/11	14/11	HP 6683	CÁM 6B.1	1 850		1 850		PTCB	NGUỒN HL
3		KDT MIỀN BẮC	05/11	2905/11	15/11	HP 5915	CÁM 6B.1	2 376		2 376		PTCB	
4		KDT CẨU ĐUỐNG	05/11	2912/11	15/11	BN 2566	CÁM 7B	1 690		1 690		PTCB	NGUỒN ĐN-C6
5		XNK VTA	01/11	2850/11	07/11	HD 2333	CỤC XÔ 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
6		DVVTQN	01/11	2856/11	07/11	BN2203	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN ĐN-C6
7		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2798/10	07/11	THÀNH NAM 79	CÁM 8A	3 200		3 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
8		TRƯỜNG ANH 888	01/11	2857/10	07/11	QN 8225	CÁM 8A	1 620		1 620		TD	NGUỒN CS
9		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	02/11	2751/10	09/11	BN 2382	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
10		ĐTTMDV	02/11	2564/11	09/11	HP 5818	CÁM 8A	3 035		3 035		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L2
11		SX&TM THAN UÔNG BÍ	02/11	2817/10	09/11	BN 2115	CỤC XÔ 1B	1 500		1 500		TD	NGUỒN CS GIA HẠN L1
12		THAN MIỀN TRUNG	02/11	2822/10	09/11	HUY HOÀNG 28	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6 GIA HẠN L1
13		XNK ANH KHOA	02/11	2868/11	09/11	PT 2698	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-C6
14		TRƯỜNG ANH 888	03/11	2881/11	10/11	VTT 19	CÁM 8A	3 300		3 300		TD	NGUỒN ĐN-C6
15		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	03/11	2879/11	10/11	NB 8305	CÁM 8A	3 100		3 100		TD	NGUỒN ĐN-C6
16		XNK THAN	04/11	2887/11	11/11	QN 6798	CÁM 8A	1 450		1 450		TD	NGUỒN CS
17		THAN MIỀN NAM	04/11	2885/11	11/11	NISSI 777	CÁM 8A	1 940		1 940		TD	NGUỒN ĐN-C6
18		XDCNM ĐỒNG BẮC	05/11	2901/11	12/11	HD 3028	CÁM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6 Thay TBRT 2760/10

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
19		XDCNM ĐÔNG BẮC	05/11	2902/11	12/11	HD 9189	CÁM 8A	2 080		2 080		TD	NGUỒN CS Thay TBRT 2848/10
20		XNK VTA	05/11	2904/11	12/11	QN 7565	CÁM 8A	1 970		1 970		TD	NGUỒN ĐN-C6
21		XNK ANH KHOA	05/11	2903/11	12/11	BN 3040	CÁM 8A	1 090		1 090		TD	NGUỒN ĐN-C6
22		DVVTQN	05/11	2911/11	12/11	BN 1997	CỤC DON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**7 998**	-	**7 998**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***7 998***		***7 998***			
1		ĐIỆN PHÁ LẠI	03/11	721/11	13/11	TĐ 45-3	CÁM 5B.10	3 572		3 572		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHÁ LẠI	03/11	724/11	13/11	DŨNG SƠN 88	CÁM 5B.10	4 426		4 426		HỘ LỚN	
IV	**KHO CẢNG KM6**							**26 280**	**11 107**	**15 173**			
	Tàu đã làm hàng							***11 155***	***11 107***	***48***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	02/11	2873/11	12/11	THANH BÌNH 05	CÁM 5A.1	3 050	3 044	6	05/11	PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2888/11	14/11	HÙNG KHÁNH 616	CÁM 5B.1	3 250	3 237	13	05/11	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	04/11	2897/11	14/11	BN 2728	CÁM 6A.1	2 585	2 575	10	05/11	PTCB	
4		DVVTQN	02/11	2864/11	09/11	BN 0766	CỤC DON 8A	1 200	1 190	10	05/11	TD	NGUỒN QH
5		VẬN TẢI THỦY	02/11	2869/11	09/11	HP 6739	BÙN TUYỂN 3C	1 070	1 061	9	05/11	TD	NGUỒN QH
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***15 125***		***15 125***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2889/11	14/11	AN PHÁT 39	CÁM 5B.1	4 500		4 500		PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	04/11	2892/11	14/11	THẮNG LỢI 68	CÁM 5B.1	4 200		4 200		PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	05/11	2914/11	15/11	HP 7388	CÁM 6A.1	2 125		2 125		PTCB	
4		HÀNG HẢI VN	03/11	2882/11	10/11	BN 0719	CỤC DON 8A	1 100		1 100		TD	
5		VTA	04/11	2891/11	11/11	BN 0888	CỤC DON 8A	1 100		1 100		TD	NGUỒN QH
6		KHO VẬN ĐÁ BẠC	04/11	2900/11	14/11	CỬA ÔNG 05	CÁM 6A.1	2 100		2 100		CHUYỂN VÙNG	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**14 910**	-	**14 910**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***14 910***		***14 910***			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 06 THÁNG 11 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		HÀN QUỐC	27/10	7519		MV XIN LIN HAI 7	CỤC 2B.2	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
2		HÀN QUỐC	27/10	7518		MV YUN QIAN	CỤC 4B.3	5 000		5 000			KVĐB: 5.000
3		CAMPUCHIA	30/10	7605		MV MINH ANH 03	CỤC 4B.3	3 000		3 000			KVĐB: 3.000
4		INDONESIA	03/11	7550		MV HOANG PHUONG 46	CÁM 2A.1	1 910		1 910			TTHG: 1.910
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**46 200**	**32 657**	**13 543**			
	Tàu đã làm hàng							***33 200***	***32 657***	***543***			
1		MOZAMBIQUE	26/10	7496		MV LYRIC HARMONY	Than xx Mozambique	15 000	14 418	582	05/11		TTCO: 14.417,83
2		LÀO	28/10	7552		VIỆT THUẬN 235-01	Than Antaracite Lào	18 200	18 239	- 39	05/11		TTCO: 8.314,4 KVCP: 9.925,06
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***13 000***		***13 000***			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
	Tàu đã làm lệnh												